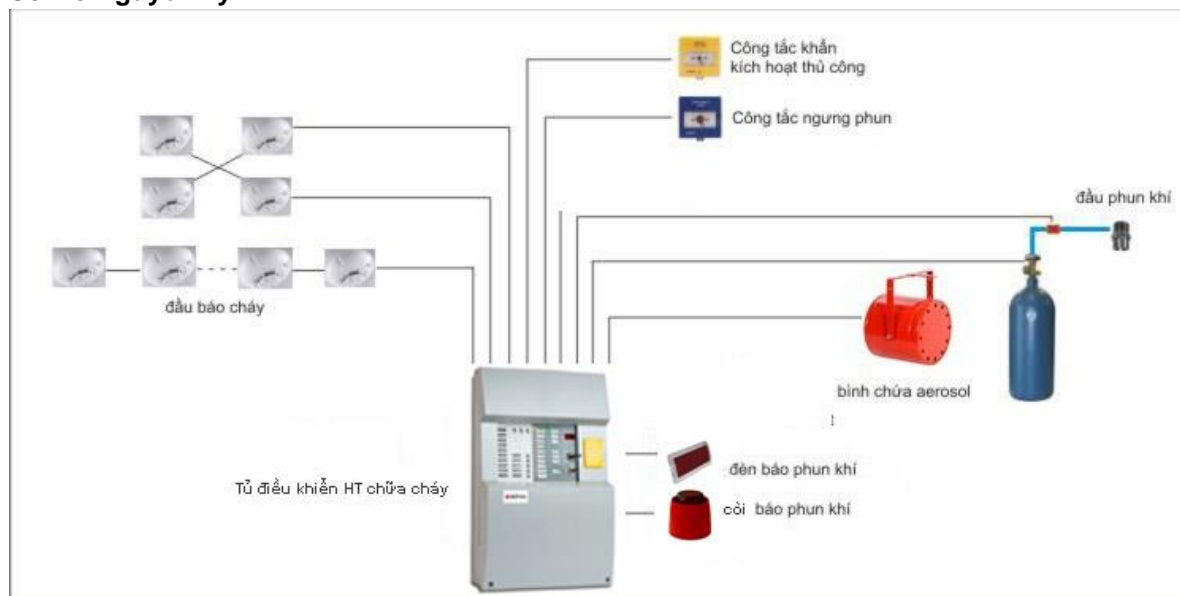




HƯỚNG DẪN TÍNH TOÁN & CHỌN LỰA BÌNH DSPA Hệ thống chữa cháy khí aerosol DSPA-Hà Lan (TÓM TẮT)

Sơ Đồ Nguyên Lý:



Trình tự hoạt động chữa cháy của hệ thống:

- Cháy xuất hiện.
- Đầu báo khói/ đầu báo nhiệt hoặc công tắc khẩn kích hoạt.
- Tủ chữa cháy nhận tín hiệu từ các thiết bị khởi báo.
- Chuông/ còi báo cháy kêu, thời gian trì hoãn phun bắt đầu.
- Khi thời gian trì hoãn kết thúc, đèn báo phun khí sáng lên
- Tín hiệu chữa cháy được truyền đến các máy phun DSPA.
- Máy phun được kích hoạt, aerosol được phun ra,
- Những hạt aerosol cực mịn được nhanh chóng trải rộng ra khắp nơi trong khu vực có cháy.
- Cháy được dập tắt tức thì.

Trình tự tính toán:

- Tính thể tích khu vực cần bảo vệ **V**:

$$V (m^3) = \text{dài} \times \text{rộng} \times \text{cao}$$

- Tính lượng aerosol cần dùng **Q**:

$$Q (\text{gram}) = V \times C$$

trong đó: C = hệ số chữa cháy (xem Bảng 1)

- Tính số máy phun DSPA cần dùng **n** cho khu vực có thể tích **V**:

$$n = Q : m$$

m (gram): trọng lượng aerosol chứa trong mỗi máy (xem bảng 2)

Bảng 1: Hệ số chữa cháy C tương ứng với các đối tượng cháy được phân loại (Fire Class)

Fire Class	Diễn giải	Hệ số chữa cháy DSPA
A	Chất cháy thông thường	98.1
B	Chất lỏng dễ cháy	33.5
C	Chất khí dễ cháy	32.7

Xác định, phân loại cụ thể từng loại hiện trường cần bảo vệ:

Xác định, phân loại cụ thể loại đối tượng cần chữa cháy : **Class A/B/C** (gỗ, nhựa, giấy...)

Xác định hệ số chữa cháy cho hiện trường : **98.1** hoặc **33.5** hoặc **32.7**

Bảng 2: Máy phun DSPA - trọng lượng aerosol và phạm vi bảo vệ đối với mỗi loại

Loại máy phun DSPA	m (gram)	Cao tối thiểu (m)	Cao tối đa (m)	Dài tối đa (m)	Rộng tối đa (m)
DSPA 11-1	110	0.5	1.83	3.66	1.22
DSPA 11-2	170	0.5	2.44	3.66	2.44
DSPA 11-3	300	0.5	2.44	3.66	2.44
DSPA 11-4	900	1.22	3.05	3.66	3.66
DSPA 11-5	1400	1.22	3.66	4.88	3.66
DSPA 11-6	2400	1.22	3.66	7.32	3.66
DSPA 6	3500				
DSPA 8-1	3250	2.44	4.88	9.76	3.66
DSPA 8-2	6700	2.44	4.88	12.50	3.66